

Bản án số: 183/2024/HS-PT
Ngày 29-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Bùi Duy Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1981 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quyết C và bà Phạm Thị T1; có vợ là Đỗ Thị N và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/5/2024; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Anh Lê Văn H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Hoàng Văn D và ông Vũ Quang Đ, Luật sư Văn phòng L - Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/02/2024, Nguyễn Văn T đi từ nhà ra khu vực thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để làm việc. Khi T vừa đi thì anh Lê Văn H đi ra khu vực lề đường giáp bờ ao đối diện cổng nhà anh H chỉ tay và nói về việc có người đổ bê tông đè lên chỗ anh H thường xuyên thui chó tại đó. Lúc này, ông Nguyễn Quyết C và bà Phạm Thị T1 là bố mẹ đẻ của T ra to tiếng với anh H về nguồn gốc sử dụng của khu vực bờ ao đó. Giữa anh H và ông C, bà T1 có to tiếng cãi nhau tại khu vực bờ ao ven đường; trong khi to tiếng anh H có lời nói chửi và đe dọa ông C, bà T1. Thấy vậy, anh Bùi Tất T2 gọi điện nói cho Nguyễn Văn T biết về việc anh H có cãi nhau và chửi bới bố mẹ T. T đang trên đường đi đến tỉnh Quảng Ninh nghe thấy vậy nên đã điều khiển xe ô tô quay lại đến nhà anh H. Khi về đến nhà, T đỗ ô tô bên đường đối diện nhà anh H rồi đi bộ đến trước cổng nhà anh H chỉ tay về anh H và nói: “Sao mày ở nhà lại cứ chửi bố mẹ tao?”. Anh H đáp: “tư tét tao không nói chuyện, tao còn nhiều việc để làm”. Sau đó, T đi ra xe ô tô lấy 01 chiếc gậy rút bằng kim loại cầm ở tay phải giơ lên vụt phát thứ nhất về phía anh H, anh H giơ tay đỡ thì trúng vào vùng khuỷu tay trái, vụt phát thứ hai thì trúng vào vùng đầu bên trái của anh H làm anh H ngã xuống đất thì được mọi người can ngăn. Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày, T đến Công an xã Đ đầu thú và giao nộp chiếc gậy kim loại nêu trên. Anh H bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ2 - huyện V sau đó chuyển Bệnh viện H1 điều trị tiếp từ ngày 06/02-2024 đến ngày 19/02/2024 thì ra viện.

Quá trình điều tra, xác minh cho thấy: Anh Lê Văn H có làm nghề buôn bán thịt chó. Khi anh H giết mổ và thui chó có sử dụng khu vực lề đường giáp ao phía trước cửa để làm gậy ô nhiễm môi trường. Đây là khu vực bờ ao của gia đình bà Phạm Thị T1, ông Nguyễn Quyết C chung với ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1953 ở cùng thôn. Từ tháng 01/2024, giữa anh H và vợ chồng ông C, bà T1 nhiều lần xảy ra cãi nhau về việc anh H để bao đựng lông chó, xương chó ở khu vực bờ ao này. Việc anh H thui chó ở lề đường gây ô nhiễm môi trường đã bị cử tri xã kiến nghị với Hội đồng nhân dân, UBND xã Đ xem xét giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 179/2024/KL ngày 12-3-2024 của Trung tâm P đối với Lê Văn H kết luận giám định như sau:

“1. Các kết quả chính:

- Sẹo vết thương vùng đỉnh trái kích thước trung bình (chiều rộng dưới 0,5cm).*
- Sẹo vết thương vùng khuỷu tay trái kích thước nhỏ.*

- *Tổn thương xuất huyết dưới nhện không có di chứng chức năng hệ thần kinh, không còn hình ảnh trên phim chụp CT sọ não.*

- *Kết quả hội chẩn phim chụp CT sọ não: không thấy đường vỡ xương vòm sọ, xương nền sọ.*

2. Kết luận:

- *Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28-08-2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn H tại thời điểm giám định là: 12% (Mười hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó:*

+ *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sọ vết thương vùng đỉnh trái gây nên là: 02% (Hai phần trăm)*

+ *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sọ vết thương vùng khuỷu tay trái gây nên là: 01% (Một phần trăm).*

+ *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương xuất huyết dưới nhện không có di chứng chức năng hệ thần kinh, không còn hình ảnh trên phim chụp CT sọ não gây nên là: 09%(Chín phần trăm).*

- Kết luận khác:

+ *Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.*

+ *01 (Một) gây bằng kim loại màu trắng sáng (có hình ảnh kèm theo) mà Cơ quan CSĐT cung cấp cũng có thể gây nên được các thương tích trên.*

+ *Đối với các thương tích trên nếu không được cấp cứu kịp thời cũng không ảnh hưởng đến tính mạng của nạn nhân”.*

Tại bản Kết luận giám định số 1411/KL-KTHS ngày 20 tháng 3 năm 2024 của V Bộ C1 về mẫu máu thu tại hiện trường và chiếc gây do T giao nộp như sau: *“Mẫu tạp chất màu nâu đỏ ghi thu tại hiện trường gửi giám định là máu của Lê Văn H. Trên chiếc gây bằng kim loại gửi giám định có ADN của Lê Văn H” .*

Tại bản Kết luận giám định số 1816/KL-KTHS ngày 09-5-2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận giám định về video thu được từ hệ thống camera tại gia đình anh Lê Văn H như sau: *“Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video mẫu cần giám định. Đã trích xuất hình ảnh và chuyển nội dung hội thoại thành văn bản theo yêu cầu giám định. Nội dung chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Kèm theo kết luận giám định 01 phụ lục gồm 31 trang A4”.*

Trong phụ lục bản dịch hội thoại có lời nói của anh Lê Văn H chửi bới, đe dọa bẻ gãy cổ người khác.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ 01 chiếc gậy rút bằng kim loại có chiều dài khi rút ra là 80cm, khi đẩy vào còn 30cm và cơ quan giám định hoàn lại mẫu máu thu tại hiện trường, mẫu tóc và móng tay thu của anh Lê Văn H, chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo bảo quản trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn H yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 116.464.465 đồng, bao gồm: tiền xe cấp cứu là 2.300.000 đồng, tiền ăn uống trong 14 ngày nằm viện: 250.000 đồng/01 ngày x 14 ngày = 3.500.000 đồng, tiền ăn của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện 100.000 đồng/01 ngày x 14 ngày = 1.400.000 đồng, tiền taxi đi khám lại 03 lần 700.000 đồng/01 lần x 3 lần = 2.100.000 đồng, tiền viện phí là 17.944.465 đồng, tiền thuốc có hóa đơn là 3.620.000 đồng; tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại bệnh viện 14 ngày + thời gian nghỉ tại nhà không đi làm được 46 ngày là 500.000 đồng/01 ngày x (14 + 46) ngày = 30.000.000 đồng; tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 400.000 đồng/01 ngày x 14 ngày = 5.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh H số tiền 50.000.000 đồng nhưng anh H không nhận nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã chuyển tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Tại Bản án sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trọng phạm T3 “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589; 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Lê Văn H tổng số tiền là 65.372.865 đồng. Anh Lê Văn H được nhận số tiền 50.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 23-7-2024 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường anh H số tiền 15.372.865 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị hại anh Lê Văn H kháng cáo vì không đồng ý với mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 117.000.000 đồng.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo và bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước nhưng bị cáo đã sử dụng hung khí, vô cớ tấn công bị hại, làm tổn hại 12% sức lao động. Bị cáo trình bày nguyên nhân phạm tội xuất phát từ mâu thuẫn giữa bố mẹ bị cáo với bị hại nhưng không có căn cứ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Với mức độ thương tích tổn hại 12% sức lao động, theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo phải bồi thường cho bị hại mức tổn thất tinh thần tối đa 50 tháng lương cơ sở nhưng bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận mức bồi thường 10 tháng lương cơ sở là không có căn cứ; trong trường hợp này bị hại không có lỗi nên yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp và bị hại không đồng ý mức thu nhập bình quân và thời gian nghỉ ở nhà để hồi phục sức khỏe như quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường trách nhiệm dân sự mà bị hại yêu cầu bị cáo tổng số tiền là 117.000.000 đồng. Vì bị hại bán thịt chó thu nhập bình quân 500.000 đồng/ 1 ngày. Sau khi bị bị cáo T gây thương tích, sức khỏe của anh H rất yếu, nằm bệnh viện 14 ngày nhưng phải nghỉ ở nhà để hồi phục sức khỏe là 46 ngày. Vợ bị hại làm công nhân lương trung bình là 10.000.000 đồng/ 1 tháng/ 26 ngày công. Thu nhập và thời gian điều trị sức khỏe của bị hại không có tài liệu chứng minh.

Bị cáo tại phiên tòa, không có ý kiến gì về tội danh và đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm về hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, hình phạt của bản án sơ thẩm nặng so với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không đồng ý mức bồi thường dân sự mà bị hại yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo chỉ đồng ý mức bồi thường như quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Bị cáo và bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Ngoài ra, trong sự việc này bị hại cũng có một phần lỗi khi đã chửi nhau và có lời lẽ đe dọa bố mẹ bị cáo trước đó làm cho bị cáo bức xúc, không kiềm chế được bản thân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Tài liệu trong hồ sơ có file ghi âm thu giữ tại nhà bị hại và mâu thuẫn do bị hại giết thịt chó để rác thải (lông, xương... chó) ra khu vực ao cạnh đường đã có đơn từ phản ánh đến Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã nên không chấp nhận áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại và bị cáo đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại anh Lê Văn H đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại:

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Khoảng 09 giờ ngày 06/02/2024, tại nhà anh Lê Văn H ở thôn Đ, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng, xuất phát từ mâu thuẫn giữa bố mẹ bị cáo và anh Lê Văn H; Nguyễn Văn T đã sử dụng gậy rút bằng kim loại vút 02 nhát vào khuỷu tay trái và đầu của anh H gây thương tích cho anh H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Bị cáo đã dùng gậy rút bằng kim loại là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn; không có tài liệu thể hiện mâu thuẫn giữa bố mẹ bị hại và bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, file ghi âm thu giữ tại nhà bị hại (đã được trưng cầu giám định thể hiện không có dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung) thể hiện có việc bị cáo chửi bới, đe dọa. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn giữa bố mẹ bị cáo với bị hại trong việc bị hại thui chó ở lề đường, để bao đựng lông chó, xương chó ở khu vực bờ ao phía trước cửa - là khu vực bờ ao của nhà bố mẹ bị cáo là ông C, bà T1. Tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện cử tri đã kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V về việc bị hại Lê Văn H thui chó ở lề đường gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, phải xác định giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn từ trước nên không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bố đẻ bị cáo là thương binh, bị hại cũng có một phần lỗi vì đã chửi nhau và có lời lẽ đe dọa bố mẹ bị cáo trước đó, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về mức hình phạt của bị cáo:

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Ngoài ra, trong sự việc này bị hại cũng có một phần lỗi khi đã chửi nhau và có lời lẽ đe dọa bố mẹ bị cáo trước đó làm cho bị cáo bức xúc, không kiềm chế được bản thân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự:

[6] Tại phiên tòa, bị hại đề nghị tính thời gian nằm tại nhà để hồi phục sức khỏe là 46 ngày và mức thu nhập bình quân của bị hại là 500.000 đồng/ 1 ngày chứ không phải mức lương tối thiểu vùng như bản án sơ thẩm áp dụng. Tuy nhiên, bị hại làm nghề tự do, không có tài liệu chứng minh thu nhập nên Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lương tối thiểu vùng là phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào tài liệu giám định, hồ sơ bệnh án của anh H... có trong hồ sơ xét thấy, với mức độ thương tích của anh H và thời gian nằm điều trị tại bệnh viện là 14 ngày nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận thời gian điều trị hồi phục sức khỏe tại nhà 16 ngày và mức bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại tương đương 10 tháng lương cơ sở là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại đề nghị mức bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo tổng số tiền là 117.000.000 đồng mà giữ nguyên mức bồi thường theo như bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Lê Văn H tổng số tiền là 65.372.865 đồng. Bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng (nộp tại Cơ quan điều tra - Công an huyện V; đã chuyển Chi cục Thi hành án huyện V, thành phố Hải Phòng) nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường anh H số tiền 15.372.865 đồng.

[7] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo và bị hại không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới. Xét thấy, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mức bồi thường mà Tòa án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường là phù hợp, đúng với quy định pháp luật. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại anh Lê Văn H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 768.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị hại anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1; điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Lê Văn H; giữ nguyên bản án hình sự hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng về hình phạt và mức bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trọng phạm T3 “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Lê Văn H tổng số tiền là 65.372.865 (Sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng. Anh Lê Văn H được nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 23/7/2024 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường anh H số tiền 15.372.865 (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1; điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 768.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu